

Bản án số: **18/2024/DS-ST**

Ngày 21-3-2024

V/v “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Nam Hưng
2. Ông Ngô Hồng Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu Ch, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Ph, xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Minh Ph, sinh năm 1995; địa chỉ: Đường 30 tháng 4, phường H, quận H, Tp Đà Nẵng (*Giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng Đặng Duy Hùng công chứng số 2865 ngày 06/10/2023 và Văn bản ủy quyền của Chi nhánh Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Phan Anh ngày 10/10/2023*).

- Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Phượng trình bày:*

Bà Trần Thị Thu Ch và bà Trương Thị L là chỗ quen biết. Khi bà L có nhu cầu mượn tiền để làm ăn, bà Ch đã tin tưởng và nhiều lần cho bà L mượn tiền. Tổng số tiền mà bà L đang nợ bà Ch là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Vào tháng 5 năm 2023 (Dương lịch), để đảm bảo cho việc mượn tiền này, bà L đã viết giấy mượn tiền thể hiện "...Nay tôi viết giấy này có mượn của chị Ch số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng y) + 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu y). Tổng: 600.000.000..." nhằm xác nhận rằng bà L còn nợ bà Ch 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Ngày 20 âm lịch hàng tháng, bà L sẽ thanh toán các khoản trên cho bà Ch. Kể từ ngày viết giấy xác nhận mượn tiền đến nay, bà L chưa thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho bà Ch.

Ngày 21/7/2023, bà Ch đã gửi thư yêu cầu thanh toán nợ thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh EMS. Theo đó, ngày 22/07/2023, bà L đã nhận được thư yêu cầu thanh toán nợ và có ký xác nhận nhận đơn với bên bưu phát. Nội dung thư thể hiện như sau: Yêu cầu bà L thanh toán số tiền theo Giấy mượn tiền vào tháng 5/2023 là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán số tiền từ ngày 21/7/2023 đến ngày 28/7/2023. Tuy nhiên, sau khi nhận thư, bà L không phản hồi cũng như không trả bất kỳ số tiền nào cho bà Ch. Bà Ch đã nhiều lần liên lạc, nhắn tin, gọi điện, đôn đốc, nhắc nhở bà L trả nợ nhưng bà L cố tình trốn tránh, chây ỳ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hành vi trên của bà Trương Thị L đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ch, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế của bà Ch và gia đình bà Ch.

Căn cứ theo Giấy xác nhận mượn tiền tháng 5/2023, thư yêu cầu thanh toán nợ cũng như quy định pháp luật về lãi suất cho vay tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, bà Ch khởi kiện yêu cầu bà L trả lại số tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 29/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/3/2024 là 236 ngày, lãi suất 10%/năm (0,027%/ngày) cho bà Ch. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: $600.000.000 \text{ đồng} \times 236 \text{ ngày} \times 10\% : 365 = 38.794.520 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, bà Ch yêu cầu bà L phải trả cho bà Ch số tiền là 638.794.520 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng).

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị L vắng mặt, không có bản trình bày ý kiến.*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu Ch, buộc bà Trương Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Ch tổng số tiền là: 638.794.520 đồng, trong đó: Tiền gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 38.794.520 đồng.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu Ch nên bà Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp kiện đòi tài sản của nguyên đơn bà Trần Thị Thu Ch đối với bị đơn bà Trương Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn bà Trương Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trương Thị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Tháng 5 năm 2023 (Dương lịch, bà Trương Thị L đã viết giấy mượn tiền thể hiện "...Nay tôi viết giấy này có mượn của chị Châu số tiền 400.000.000 (Bốn

trăm triệu đồng y) + 200.000.000 (Hai trăm triệu y). Tổng: 600.000.000..." nhằm xác nhận rằng bà L còn nợ bà Ch 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Ngày 20 âm lịch hàng tháng, bà L sẽ thanh toán các khoản trên cho Bà Ch. Quá trình thực hiện hợp đồng theo nguyên đơn trình bày bà L chưa thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho bà Ch. Bà Trương Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy mượn tiền nêu trên thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 117, 118 và Điều 463 Bộ luật dân sự nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đây là hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn trả nợ và các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Thời hạn trả nợ được các bên thỏa thuận miệng, bà L không thực hiện trả số tiền nợ 600.000.000 đồng. Ngày 21/7/2023, bà Ch đã gửi thư yêu cầu thanh toán nợ thông qua Dịch vụ chuyển phát nhanh EMS. Ngày 22/07/2023, bà L đã nhận được thư yêu cầu thanh toán nợ và có ký xác nhận nhận đơn với bên bưu phát. Nội dung thư cụ thể: Yêu cầu bà L thanh toán số tiền theo Giấy mượn tiền vào tháng 5/2023 là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán số tiền từ ngày 21/7/2023 đến ngày 28/7/2023. Tuy nhiên, sau khi nhận thư, bà L đã không phản hồi cũng như không trả bất kỳ số tiền nào cho bà Ch. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại 274, 275, 280, 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Về yêu cầu tính số tiền lãi do chậm thanh toán: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu HĐXX buộc bị đơn bà Trương Thị L phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính từ ngày 29/7/2023 đến ngày đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 21/3/2024, với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương với 0,027%/ngày), cụ thể: $600.000.000 \text{ đồng} \times 236 \text{ ngày} \times 10\% : 365 = 38.794.520 \text{ đồng}$.

HĐXX thấy rằng: Nghĩa vụ chịu lãi suất của bà L phát sinh kể từ ngày bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc. Do các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nên bà L phải chịu số tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất và thời gian yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu Ch. Buộc bà Trương Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ch số tiền là 638.794.520 đồng, gồm:

- + Nợ gốc: 600.000.000 đồng;
- + Nợ lãi phát sinh: 38.794.520 đồng.

[2.2] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu Ch nên bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 274, 275, 280, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp kiện đòi tài sản của bà Trần Thị Thu Ch đối với bà Trương Thị L.

Xử:

1. Buộc bà Trương Thị L phải trả cho bà Trần Thị Thu Ch số tiền 638.794.520 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 600.000.000 đồng;

+ Nợ lãi: 38.794.520 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bà Trần Thị Thu Ch có đơn yêu cầu đối với số tiền bà Trương Thị L phải thanh toán, nếu bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 29.551.780 đồng (Hai mươi chín triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi đồng).

- Bà Trần Thị Thu Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 14.226.849 đồng (Mười bốn triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0000540 ngày 25 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang.

3. Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang,
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Đức Thọ